

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH HẬU GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 09/2024/HNGĐ-PT

Ngày 15 - 5 - 2024

V/v: “Tranh chấp về xác  
định cha cho con”

NHÂN DANH QUỐC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Phương

Các Thẩm phán:

Ông Võ Thái Sơn

Ông Hồ Hữu Thắng

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hà Linh – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang:** Bà Dương Thanh Giêng  
- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 10 và ngày 15 tháng 5 năm 2024, tại phòng xét xử Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang, xét xử phúc thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 03/2024/TLPT-HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2024, về việc “Tranh chấp xác nhận cha cho con”.

Do Bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 119/2023/HNGĐ-ST, ngày 20 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành **huyện C, tỉnh Hậu Giang** bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 05/2024/QĐ-PT ngày 04 tháng 3 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2024/QĐ-PT ngày 26 tháng 3 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2024/QĐ-PT ngày 16 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông **Lý Văn V**, sinh năm 1950. (Vắng mặt)

Địa chỉ: **Ấp T, xã T, huyện P, thành phố Cần Thơ.**

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Nguyễn Văn S**, sinh năm 1966. (Có mặt)

Địa chỉ: **Số C đường M, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ.**

2. Bị đơn:

2.1 Ông **Nguyễn Văn M**, sinh năm 1965. (Có mặt)

Địa chỉ: **A, Khu tập thể C, đường V, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ.**

Người đại diện hợp pháp của bị đơn (theo Văn bản ủy quyền ngày 07 tháng 3 năm 2024): Ông **Mai Thành T**, sinh năm 1994. (Vắng mặt khi tuyên án)

Địa chỉ: **Số D, đường N, phường Đ, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.**

2.2 Ông **Nguyễn Văn H**, sinh năm 1952.

Địa chỉ: **Số E, ấp N, xã T, huyện P, tỉnh Hậu Giang.** (Vắng mặt)

2.3 Ông Nguyễn Văn H1, sinh năm 1956.

Địa chỉ: Số D, ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Hậu Giang. (Vắng mặt)

2.4 Bà Nguyễn Thị H2, sinh năm 1963.

Địa chỉ: Số D, ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Hậu Giang. (Vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của ông H, ông H1 và bà H2: Ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1965. (Có mặt)

Địa chỉ: A, Khu tập thể C, đường V, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1 Ông Nguyễn Văn R, sinh năm 1960. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Số D ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Hậu Giang.

3.2 Ông Nguyễn Văn V1, sinh năm 1964. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp S, xã T, huyện C, tỉnh Hậu Giang.

3.3 Ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1966. (Có mặt)

Địa chỉ: 3 đường M, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ.

3.4 Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1967. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Số D ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Hậu Giang.

Do có kháng cáo của: Bị đơn ông Nguyễn Văn M.

#### NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ thì nội dung vụ án như sau:

Nguyên đơn ông Lý Văn V trình bày:

Cha ông là cụ ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1926, cưới mẹ của ông là cụ bà Lê Thị L1, trong lúc cụ L1 mang thai, gia đình của cha gây khó dễ, la mắng buộc lòng mẹ của ông V phải về quê ngoại sinh sống. Thời gian đó cha của ông vẫn ghé thăm nhưng gia đình của cha vẫn ngăn cản, sau đó hai người chia tay. Cụ L1 cũng có chồng và cụ B cũng cưới vợ là cụ bà Trần Thị N có được 08 người con gồm ông Nguyễn Văn H1, ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị H2, bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Văn M, ông Nguyễn Văn S, ông Nguyễn Văn R, ông Nguyễn Văn V1.

Khoảng năm 1982 cụ Nguyễn Văn B đi đám cưới nhà của ông Tám Đ thì được người ta giới thiệu nên ông V gặp và nhận lại cha của mình, sau đó hằng năm ông V thường dẫn vợ, con về thăm cha vào dịp lễ, Tết, giỗ... Cụ Nguyễn Văn B chết ngày 05 tháng 3 năm 2004, ông V có về góp tiền cùng anh em làm đám tang cho cha (có sổ kèm theo). Từ năm 2018, lo sợ ông V yêu cầu chia di sản thừa kế cha để lại nên ông M, ông H, ông H1, bà H2 cùng cha khác mẹ không công nhận ông V là con đẻ của cụ ông Nguyễn Văn B nên ông V khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ giải quyết yêu cầu xác định cha cho con. Tòa án nhân dân huyện Phong Điền đã giải quyết sơ thẩm xong, ông V không đồng ý nên đã kháng cáo lên Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ, tại phiên phúc thẩm Tòa án thành phố Cần Thơ xác định do có tranh chấp mà Thẩm phán của Phong Điền giải quyết việc dân sự là vi phạm tố tụng nên muốn giải quyết lại cho đúng

thì ông **V** đã rút đơn khởi kiện, Tòa án thành phố Cần Thơ đã hủy quyết định. Sau đó Tòa án nhân dân huyện Phong Điền thụ lý lại vụ án, phân công lại cho Thẩm phán khác đã giải thích thẩm quyền giải quyết vụ án là thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang. Ông **V** khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang giải quyết xác định cha cho con, cụ thể xác định cụ ông **Nguyễn Văn B** là cha đẻ của ông **Lý Văn V**.

Căn cứ chứng minh cho yêu cầu của nguyên đơn là điểm a khoản 1 Điều 651 của Bộ luật Dân sự 2015, khoản 1 Điều 88, Điều 90, khoản 2 Điều 101 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 1, khoản 2 Điều 14 Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 25/11/2015; các Điều 28, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về căn cứ nguyên đơn đưa ra có 43 tài liệu, chứng cứ khách quan, toàn diện và chính xác kèm theo đơn khởi kiện, trong 43 tài liệu, chứng cứ; Về cơ sở pháp lý có 15 chứng cứ chứng minh cụ ông **Nguyễn Văn B**, sinh năm 1926 là cha đẻ của ông **Lý Văn V**.

Về chứng cứ sinh học: Có 03 chứng cứ chứng minh, gồm:

1. Phiếu xét nghiệm ADN của **Trung tâm C1** ngày 08/7/2020.
2. Bản kết luận giám định pháp y về ADN của Trung tâm pháp y **Sở y tế Thành phố H**.
3. Kết luận giám định số 3152/KL-KTHS ngày 15/6/2023 của Phân Viện khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh thuộc **Bộ C2**.

*Bị đơn ông **Nguyễn Văn M**, đồng thời đại diện cho các bị đơn ông **Nguyễn Văn H**, ông **Nguyễn Văn H1**, bà **Nguyễn Thị H2** trình bày:* Sinh thời cha của ông là cụ **Nguyễn Văn B**, cho đến khi lập gia đình với mẹ của ông là cụ bà **Trần Thị N**, cha mẹ ông suốt đời sinh sống và làm ruộng tại xã **T**, huyện **C** cho đến khi chết. Các ông bà không nghe cha nói gì về ông **Lý Văn V** là con của cha ông trước khi kết hôn với mẹ ông. Qua trích lục án phòng lục sự Tòa sơ thẩm Phong Dinh của Tòa **Phong D** số 334 ngày 27/02/1969 về Tờ khai hộ tịch được Tòa **Phong D** xác nhận các người con tự sanh gồm ông **Nguyễn Văn H**, ông **Nguyễn Văn R**, ông **Nguyễn Văn H1**, bà **Nguyễn Thị H2**, ông **Nguyễn Văn V1**, ông **Nguyễn Văn M**, ông **Nguyễn Văn S**, bà **Nguyễn Thị L**. Cụ ông **Nguyễn Văn B** không có con nào khác kể cả con nuôi hoặc con riêng.

Từ lúc còn sống cho tới khi chết cụ **B** chưa bao giờ nhìn nhận ông **V** là con của mình, đồng thời gia đình ông không hề tiếp xúc với ông **Lý Văn V** và cũng không biết nhân thân, lai lịch của ông **V** từ trước năm 1975 và sau năm 1975 làm gì, có trình diện học tập cải tạo không. Qua đó, các ông bà khẳng định ông **V** không phải là con của cụ **Nguyễn Văn B**, chỉ là người có quen biết với gia đình, mẹ các ông bà là thợ nấu, bao thầu các đám tiệc nên quen biết nhiều, giao thiệp rộng có uy tín, gia đình có con công tác trong ngành Công an nên được nhiều người đến làm

thân nhận làm con nuôi để tạo mối quan hệ, trong số những người đó có ông **Lý Văn V** đến nhận làm con nuôi.

Trong thực tế ông **V** không có đi lại với gia đình các ông bà với tư cách là con riêng của cụ **B**, ông **V** không sống chung ngày nào, không phụng dưỡng, chăm sóc, thăm hỏi, qua ba lần bệnh khi cụ **B** đau nặng và đặc biệt khi cụ **B** chết, ông **V** cũng không có mặt chịu tang. Từ khi cụ **Nguyễn Văn B** chết đến nay hơn 20 năm không có năm nào ông **V** đến cùng anh em lo giỗ cho cụ **B**. Bây giờ ông **V** hơn 70 tuổi lại đột ngột xuất hiện và yêu cầu Tòa án xác nhận là con của ông **B** là một điều phi lí, không bình thường, không hứa hẹn một điều gì tốt đẹp mà còn gây xào xáo cho gia đình các ông bà, làm ảnh hưởng đến danh dự, nhân phẩm của cụ **Nguyễn Văn B** và cả các ông bà.

Về các tấm ảnh chụp trong đó có ông **V** và một số thành viên trong gia đình chỉ là giao tiếp xã hội thông thường không chứng minh được gì. Ngoài lời khai có nhiều mâu thuẫn, ông **V** không đưa ra được bất cứ chứng cứ nào khác để chứng minh cho yêu cầu nhận cha của mình là có cơ sở. Việc ông **V** yêu cầu xác định cha cụ **Nguyễn Văn B** nhưng không xác định chỉ rõ ra được nhân thân, hộ tịch và giấy tờ tùy thân của ông **B**, nói cách khác không chỉ ra được ông **B** là ai về mặt pháp lý.

Không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh cụ **Nguyễn Văn B** là cha đẻ của ông **Lý Văn V**. Do đó không có cơ sở xác định ông **Lý Văn V** là con đẻ của cụ **Nguyễn Văn B** nên bị đơn ông **Nguyễn Văn M** và các bị đơn kháng định ông **V** không phải là con đẻ của cụ **Nguyễn Văn B**.

Theo đơn xác nhận mối quan hệ của ông **Nguyễn Văn R**, ông **Nguyễn Văn V1**, ông **Nguyễn Văn S** và bà **Nguyễn Thị L** nói cụ **Nguyễn Văn B** tự mình đem sính lễ hỏi cưới cụ bà **Lê Thị L1**, ông cho rằng đây là lời nói không có căn cứ và cũng không có ai làm chứng.

Về bà **Trần Thị L2** không phải là em ruột của cụ **N**, gia đình của cụ **N** không có ai tên **Trần Thị L2** nên lời khai của bà **L2** là không có căn cứ chứng minh. Đối với lời khai của bà **Trần Thị Đ1**, **Trần Thị D1**, **Trần Thị Đ2**, **Nguyễn Thị D2**, **Cao Văn B1** những lời khai này thực tế do ông **S** ghi sẵn nội dung đưa cho họ ký tên nên không khách quan, không có chứng cứ gì chứng minh. Đối với ông **Cao Văn B1** khi biết được vụ việc đã có văn bản rút lại ý kiến xác nhận ông **V** là con ruột ông **B**.

Đối với lời khai của ông **Nguyễn Văn C**, ông **Nguyễn Văn D3**, ông **Nguyễn Văn T1** là bà con chú bác ruột với cụ ông **Nguyễn Văn B** đều có thời gian chung sống với cụ **B** khẳng định cụ **Nguyễn Văn B** có 08 người con là **H**, **R**, **H1**, **H2**, **V1**, **M**, **S**, **L**, ngoài ra không còn người nào khác.

Căn cứ nguyên tắc giám định ADN trong các trường hợp giám định huyết thống, các ông bà cho rằng kết luận giám định của **P** tại Thành phố Hồ Chí Minh thuộc **Bộ C2** là không chính xác. Căn cứ theo nguyên tắc giám định chỉ có thể kết

luận ông Nguyễn Văn V1, Nguyễn Văn R và ông Lý Văn V có mối quan hệ huyết thống theo dòng nhiễm sắc thể y (theo dòng cha) chứ không có căn cứ khẳng định những người này là anh em ruột cùng cha.

Với các lý lẽ trên tất cả các bị đơn đề nghị Tòa án bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Lý Văn V trong việc xác nhận cha cụ Nguyễn Văn B là cha đẻ của ông Lý Văn V.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Nguyễn Văn R, ông Nguyễn Văn V1, ông Nguyễn Văn S, bà Nguyễn Thị L trình bày thống nhất xác nhận ông Lý Văn V là con ruột cụ ông Nguyễn Văn B.

Tại Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 119/2023/HNGĐ-ST, ngày 20 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

Tuyên xử:

1. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lý Văn V.

Xác định ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1926 (đã chết ngày 05/3/2004), nơi cư trú cuối cùng: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Hậu Giang là cha ruột của ông Lý Văn V, sinh năm 1950, nơi cư trú: Ấp T, xã T, huyện P, thành phố Cần Thơ.

Ông V có quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền về cải chính hộ tịch theo quy định pháp luật.

2. Về án phí sơ thẩm và chi phí tố tụng:

Ông Nguyễn Văn M, ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị H2, ông Nguyễn Văn H1 phải chịu chi phí giám định là 15.000.000 đồng. Số tiền này ông Lý Văn V đã nộp tạm ứng trước nên các ông M, ông H, bà H2, ông H1 phải có nghĩa vụ liên đới nộp lại để trả cho ông V. Án phí sơ thẩm các ông M, ông H, bà H2, ông H1 phải chịu là 300.000 đồng.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo, quyền yêu cầu thi hành án của các bên đương sự.

Ngày 28 tháng 9 năm 2023 bị đơn ông Nguyễn Văn M kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm số 119/2023/HNGĐ ngày 20 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A; yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu xác nhận cha cho con của nguyên đơn ông Lý Văn V.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn ông Lý Văn V giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn ông Nguyễn Văn M giữ nguyên yêu cầu kháng cáo đối với Bản án sơ thẩm. Nguyên đơn không bổ sung thêm tài liệu, chứng cứ mới; bị đơn bổ sung thêm tài liệu: Công văn số 225/PYQG-YSH ngày 09 tháng 4 năm 2024 của V2 tại Hà Nội, về việc phúc đáp các câu hỏi về việc giám định AND liên quan đến xác định mối quan hệ huyết thống anh trai-em trai của bị đơn ông Nguyễn Văn M.

*Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang tại phiên tòa:*



Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đương sự đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đại diện Viện kiểm sát cho rằng cụ Nguyễn Văn B đã chết, là người bị kiện xác định là cha. Theo quy định tại Điều 74 Bộ luật Tố tụng dân sự, không quy định về trường hợp kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng về nhân thân mà chỉ có kế thừa về quyền, nghĩa vụ về tài sản. Do đó, đối tượng bị khởi kiện trong vụ án không có.

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn ông Lý Văn V, yêu cầu xác định cụ B là cha đẻ của mình, không có tranh chấp phát sinh, bởi lẽ đối tượng bị khởi kiện đã không còn. Việc ông Nguyễn Văn M, ông Nguyễn Văn H, ông Nguyễn Văn H1, bà Nguyễn Thị H2 không thừa nhận nguyên đơn là con ruột của cụ B, không làm phát sinh quan hệ tranh chấp trong mối quan hệ xác định cha cho con. Do đó, là việc dân sự theo quy định tại Điều 361 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ điểm t, khoản 2 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, thì thẩm thẩm quyền thụ lý việc xác định cha, mẹ cho con thuộc thẩm quyền của Tòa án nơi cư trú, làm việc của người yêu cầu. Trong trường hợp này người yêu cầu là ông Lý Văn V có nơi cư trú tại ấp T, xã T, huyện P, thành phố Cần Thơ, nên việc dân sự không thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

Do có vi phạm về thẩm quyền thụ lý, giải quyết vụ án, xác định không đúng quan hệ yêu cầu của người khởi kiện. Căn cứ vào khoản 4 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy Bản án sơ thẩm số 119/2023/HNGĐ-ST ngày 20 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A và đình chỉ giải quyết vụ án. Do vụ án bị hủy nên không xem xét kháng cáo của bị đơn.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về tố tụng:

Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền: Ông Lý Văn V yêu cầu xác định cụ ông Nguyễn Văn B là cha đẻ của ông V, có sự tranh chấp của các người con của cụ Nguyễn Văn B, không thừa nhận nguyên đơn ông Lý Văn V là con đẻ của cụ Nguyễn Văn B. Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật “Tranh chấp về xác định cha, mẹ cho con” đúng với quy định tại khoản 4 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Cụ ông Nguyễn Văn B có nơi cư trú cuối cùng tại huyện C, tỉnh Hậu Giang và có 02 bị đơn cư trú tại huyện C, tỉnh Hậu Giang. Tòa án nhân

dân huyện Châu Thành A thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 35, Điều 39, Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, bị đơn ông Nguyễn Văn M có đơn kháng cáo đúng quy định tại các Điều 271, 272, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung:

Bị đơn ông Nguyễn Văn M kháng cáo bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lý Văn V là con đẻ của cha ông là cụ ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1926 đã chết ngày 05 tháng 3 năm 2004.

Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy, chứng cứ thực tế không phải chứng minh là vào năm 1962, cụ ông Nguyễn Văn B cưới cụ bà Lê Thị L1, trong lúc mang thai thì cụ L1 về nhà ngoại sống và sau đó cụ B và cụ L1 chia tay. Đến năm 1982 nguyên đơn ông V gặp và nhận cụ Nguyễn Văn B là cha con. Đến ngày 05 tháng 3 năm 2004 cụ Nguyễn Văn B chết. Ông Lý Văn V là con đẻ của cụ Nguyễn Văn B được bà Trần Thị Đ1, bà Trần Thị L2 là em ruột của cụ bà Trần Thị N (mẹ của các bị đơn) xác nhận, còn có bà Trần Thị Đ2 là cháu của cụ N xác nhận. Bà Trần Thị Đ1, bà Trần Thị L2 được địa phương xã T xác nhận các bà là em ruột của bà Trần Thị N. Do đó, lời khai của bà Đ1, bà L2 là có cơ sở để Hội đồng xét xử xem xét.

Thực tế cụ ông Nguyễn Văn B và vợ là cụ bà Trần Thị N có 08 người con đẻ gồm: ông Nguyễn Văn M, ông Nguyễn Văn H, ông Nguyễn Văn H1, bà Nguyễn Thị H2, ông Nguyễn Văn R, ông Nguyễn Văn V1, ông Nguyễn Văn S, bà Nguyễn Thị L. Trong đó có các đương sự ông Nguyễn Văn R, ông Nguyễn Văn V1, ông Nguyễn Văn S, bà Nguyễn Thị L thừa nhận ông Lý Văn V là con đẻ của cụ Nguyễn Văn B. Các bị đơn ông Nguyễn Văn M, ông Nguyễn Văn H, ông Nguyễn Văn H1, bà Nguyễn Thị H2 không công nhận ông Lý Văn V là anh, nên phát sinh tranh chấp. Nguyên nhân, các bị đơn không thừa nhận ông V là con của ông Nguyễn Văn B, xuất phát từ tranh chấp di sản của cụ B để lại không muốn chia thừa kế cho nguyên đơn.

Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, nguyên đơn đã chứng minh bằng kết quả giám định gen, gồm có 03 chứng cứ chứng minh:

1. Phiếu xét nghiệm ADN của Trung tâm C1 ngày 08/7/2020.
2. Bản kết luận giám định pháp y về ADN của Trung tâm pháp y Sở Y tế Thành phố H.
3. Kết luận giám định số 3152/KL-KTHS ngày 15/6/2023 của Phân Viện khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh thuộc Bộ C2.

Tại Kết luận giám định số 3521/KL-KTHS ngày 15/6/2023 của Phân Viện khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh kết luận “ông Nguyễn Văn V1 và ông Lý Văn V có quan hệ huyết thống theo dòng cha (anh – em ruột) với nhau; ông

Nguyễn Văn R và ông Lý Văn V có quan hệ huyết thống theo dòng cha (anh – em ruột) với nhau”.

Các bị đơn ông Nguyễn Văn M, ông Nguyễn Văn H, ông Nguyễn Văn H1, bà Nguyễn Thị H2 cho rằng Kết luận giám định của P tại Thành phố Hồ Chí Minh thuộc Bộ C2 là không chính xác. Căn cứ theo nguyên tắc giám định chỉ có thể kết luận ông Nguyễn Văn V1, ông Nguyễn Văn R và ông Lý Văn V có mối quan hệ huyết thống theo dòng nhiễm sắc thể Y (theo dòng cha) chứ không có căn cứ khẳng định những người này là anh em ruột cùng cha. Lập luận của các bị đơn chỉ là suy diễn không có cơ sở, nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Kết luận giám định số 3521/KL-KTHS ngày 15/6/2023 của Phân Viện khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh là giám định gen giữa anh em với nhau nên kết luận giám định gen chỉ mang tính tương đối. Chỉ khi giám định gen giữa cha – con ruột với nhau thì kết quả giám định gen mang tính tuyệt đối. Tuy nhiên, nếu giữa ông V1, ông R và ông V không có quan hệ anh em với nhau thì Cơ quan chuyên môn không thể kết luận họ có quan hệ huyết thống theo dòng cha. Đối với Kết luận giám định số 3512/KL-KTHS ngày 15/6/2023 của Phân Viện khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh thuộc Bộ C2 là kết quả của Cơ quan chuyên môn có thẩm quyền về giám định gen được Nhà nước cấp phép hoạt động theo quy định pháp luật, là chứng cứ khoa học được Hội đồng xét xử chấp nhận làm căn cứ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn cung cấp Công văn số 225/PYQG-YSH ngày 09 tháng 4 năm 2024 của V2 tại Hà Nội, về việc phúc đáp các câu hỏi về việc giám định AND liên quan đến xác định mối quan hệ huyết thống anh trai-em trai của bị đơn ông Nguyễn Văn M. Bị đơn sử dụng Văn bản này để phản bác lại Kết luận giám định số 3512/KL-KTHS ngày 15/6/2023 của Phân Viện khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh thuộc Bộ C2 là không có cơ sở, không được Hội đồng xét xử chấp nhận. Bởi tại Công văn số 225/PYQG-YSH ngày 09 tháng 4 năm 2024 của V2 tại Hà Nội, vẫn khẳng định ông Lý Văn V có quan hệ huyết thống với những người anh em là ông Nguyễn Văn V1, ông Nguyễn Văn R.

Mặt khác, xét về nhân thân lý lịch của cụ ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1926, chết ngày 05 tháng 3 năm 2004; Cụ Ba có cha đẻ là cụ Nguyễn Văn T2, sinh năm 1902, chết 1953; Mẹ đẻ là cụ Nguyễn Thị N1, sinh năm 1904, chết 1941; Chị ruột cụ Nguyễn Thị T3, sinh năm 1924, chết năm 1973; Em ruột cụ Nguyễn Thị N2, sinh năm 1928. Như vậy, càng không thể khẳng định ông Lý Văn V là con của người nào khác ngoài cụ Nguyễn Văn B. Vì theo quy luật di truyền, người ông sẽ truyền nhiễm sắc thể Y cho người con trai, sau đó những người con trai sẽ tiếp tục truyền nhiễm sắc thể Y này cho những người cháu trai và tương tự như vậy ở các đời sau. Do đó, Kết luận giám định số 3512/KL-KTHS ngày 15 tháng 6 năm 2023 của Phân viện khoa học hình sự - Bộ C2 tại Thành phố Hồ Chí Minh kết luận “ông



**Nguyễn Văn VI** và ông **Lý Văn V** có quan hệ huyết thống theo dòng cha (anh – em ruột) với nhau; Ông **Nguyễn Văn R** và ông **Lý Văn V** có quan hệ huyết thống theo dòng cha (anh – em ruột) với nhau”. Ông **Nguyễn Văn VI** và ông **Nguyễn Văn R** có lý lịch nhân thân về người cha đẻ là cụ **Nguyễn Văn B**. Đây là cơ sở, chứng cứ vững chắc và hoàn toàn phù hợp với các tài liệu chứng cứ về nhân thân của cụ **Nguyễn Văn B** như đã phân tích, để Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông **Lý Văn V**.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông **Nguyễn Văn M**, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát cho rằng ông **Lý Văn V** yêu cầu xác nhận cụ **Nguyễn Văn B** là cha đẻ, là việc dân sự là không đúng với quy định tại khoản 4 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự, không phù hợp với quan điểm và nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận. Hội đồng xét xử bác toàn bộ đề nghị của Viện kiểm sát, đề nghị hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án.

[4] Về án phí phúc thẩm

Do kháng cáo của bị đơn ông **Nguyễn Văn M** không được Hội đồng xét xử chấp nhận, ông phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về qui định mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bị đơn ông **Nguyễn Văn M**.

Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông **Lý Văn V**.

Xác định cụ ông **Nguyễn Văn B**, sinh năm 1926 (đã chết ngày 05 tháng 3 năm 2004), nơi cư trú cuối cùng: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Hậu Giang là cha ruột của nguyên đơn ông **Lý Văn V**, sinh năm 1950, nơi cư trú: Ấp T, xã T, huyện P, thành phố Cần Thơ.

Ông **Lý Văn V** có quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền về cải chính hộ tịch theo quy định pháp luật.

2. Về án phí sơ thẩm và chi phí tố tụng:

2.1. Án phí sơ thẩm: Buộc các ông **Nguyễn Văn M**, ông **Nguyễn Văn H**, bà **Nguyễn Thị H2**, ông **Nguyễn Văn H1** phải chịu là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

2.2. Buộc ông Nguyễn Văn M, ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị H2, ông Nguyễn Văn H1 phải chịu chi phí giám định là 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng). Số tiền này ông Lý Văn V đã nộp tạm ứng trước nên các ông M, ông H, bà H2, ông H1 phải có nghĩa vụ liên đới nộp tại Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành A, để hoàn trả cho ông Lý Văn V.

### 3. Về án phí phúc thẩm:

Buộc bị đơn ông Nguyễn Văn M phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Chuyển số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) ông Nguyễn Văn M đã nộp tạm ứng theo Biên lai thu số 0002269, ngày 28 tháng 9 năm 2023 tại Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang thành án phí phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

#### **Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Hậu Giang;
- TAND huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang;
- Chi cục huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VP, Tòa DS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Võ Thị Phụng**